TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HN** **TỈNH BĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BĐ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Văn Hà
Ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1989
Địa chỉ: Khu phố BCN, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ
Bị đơn: Anh Trịnh Tuấn M, sinh năm 1987
Địa chỉ: Khu phố BCN, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị và anh Trịnh Tuấn M kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HĐ. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Thời gian gần đây hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tin tưởng, không còn tình cảm với nhau. Nay chị yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn anh Trịnh Tuấn M.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 09/8/2011. Chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án yêu cầu anh M có mặt tại Tòa để làm việc nhưng anh M vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Toà án xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị V. Giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị V nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị V có đơn khởi kiện ly hôn với anh Trịnh Tuấn M có nơi thường trú tại khu phố BCN, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn anh Trịnh Tuấn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M vẫn không có mặt tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị V và anh M tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án yêu cầu anh M có mặt tại Tòa để làm việc nhưng anh M vẫn không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Qua xác minh cho thấy anh M đang sống chung hộ khẩu với bà Nguyễn Thị Minh T tại khu phố BCN, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ. Hiện vợ chồng đang

sống ly thân và không ai có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị V yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

[4] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị V được nuôi con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh năm 2011. Đồng thời cháu B cũng có nguyện vọng sống với chị V. Căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu B cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo ổn định về mọi mặt cho cháu, ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tại phiên Tòa hôm nay là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V, chị V được ly hôn anh Trịnh Tuấn M.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/8/2011cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số 0001588 ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

- Về quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. HN;
- CC THA dân sự TX. HN;
- Các đương sự;
- UBND P. HĐ;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Vương